TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q
Địa chỉ: Số 21 đường C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N, Ông T và Ông V, trú tại: Lầu 5, số 538 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 4604/UQ-MBAMC ngày 09 tháng 11 năm 2018). Ông Tiến có mặt.

2. Bị đơn: Bà A, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Số 39 đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Ông V là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp tín dụng cho Bà A vay số tiền 485.000.000đ (Bốn trăm tám mươi lăm triệu) đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/12/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (bên cấp tín dụng) và Bà A (bên được cấp tín dụng).

Mục đích vay: Vay mua ô tô Chevrolet Cruze.

Thời hạn vay: 72 tháng (từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2022).

Lãi suất cho vay: 11.5%/năm. Lãi suất cho vay ưu đãi trong thời gian kể từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017, khách hàng được áp dụng lãi suất ưu đãi 8.3%/năm. Sau thời gian trên lãi suất cho vay ưu đãi được tính theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Lịch trả nợ: Nợ gốc và lãi được thanh toán làm 72 kỳ (mỗi kỳ là 01 tháng) và trả vào ngày 08 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 08/01/2017. Ngày trả nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay, cụ thể số tiền trả nợ gốc mỗi kỳ là 6.737.000 đồng, kỳ 72 trả 6.673.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, bà A đã thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn: Đen, biển số: 51G-214.57, số máy: F16D3162700038, số khung: RLLJF696EGH939724 theo Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số: 36470.16.101.3011648.BĐ ngày 08/12/2016 giữa Bà A (bên thế chấp) và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (bên nhận thế chấp), hợp đồng không công chứng, chứng thực và không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại sản chế chấp do bà A quản lý và sử dụng, Ngân hàng giữ bản chính Giấy đăng ký xe ô tô biển số 51G-214.57.

Bà A đã được Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh giải ngân số tiền vay 485.000.000đ (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) vào ngày 09/12/2016 theo hình thức chuyển khoản. Thực hiện hợp đồng, bà A đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần nợ gốc và lãi. Kể từ thời điểm ngày 08/11/2017, bà A đã không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 08/11/2017, đồng thời tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn. Nay Ngân hàng kiện yêu cầu bà A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2019 là 535.748.785 đồng, trong đó nợ gốc: 418.560.158 đồng và lãi quá hạn: 117.188.627 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; buộc bà A tiếp tục thanh toán lãi suất phát sinh theo lãi suất quá hạn kể từ ngày 31/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng theo thỏa trong hợp đồng và khế ước nhận nợ. Trường hợp bà A không thanh toán toàn bộ khoản nợ, Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay là chiếc xe ô tô Chevrolet Cruze, biển số: 51G-214.57 để thu hồi nợ.

Bị đơn Bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà A vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quân Đội là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền nợ gốc 418.560.158 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội và Bà A có giao kết theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016 nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ‘‘Tranh chấp hợp đồng tín dụng’’. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Theo kết quả xác minh của Công an Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì *“Bà A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 39 đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, hiện nay đi đâu không rõ”*. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Bà A (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà A.

Đối với tài sản thế chấp chiếc xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn: Đen, biển số: 51G-214.57, số máy: F16D3162700038, số khung: RLLJF696EGH939724, theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp do bên thế chấp (Bà A) quản lý, sử dụng. Do bị đơn vắng mặt nên không xác định

được chiếc xe ô tô, vì vậy Tòa án không thực hiện được thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

[3] Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016 được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết"*. Theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì *"Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó"*. Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Việc áp dụng về thời hiệu nếu có sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết cho phù hợp.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100283873, đăng ký lần đầu: Ngày 30 tháng 9 năm 1994 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 10 tháng 11 năm 2016 thì Ngân hàng TMCP Quân Đội là tổ chức tín dụng. Ngân hàng TMCP Quân Đội và Bà A đã giao kết Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016, hợp đồng được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 389 của Bộ luật dân sự 2005. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124, Điều 401 của Bộ luật dân sự 2005. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội nên được xác định là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Bà A, theo đó bà A được Ngân hàng TMCP Quân Đội cho vay số tiền 485.000.000đ (Bốn trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bà A vào ngày 09/12/2016 thông qua hình thức chuyển vào tài khoản của bà A theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/12/2016, với thời hạn vay là 72 tháng (từ tháng 12/2016 đến 12/2022). Trả nợ gốc và lãi được thanh toán làm 72 kỳ, trả vào ngày 08 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Thực hiện hợp đồng, bà A đã trả được số tiền 109.440.000 đồng, trong đó nợ gốc: 66.439.842 đồng và nợ lãi: 43.000.158 đồng. Kể từ thời điểm ngày 08/11/2017 đến nay, bà A đã không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân Đội là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cấp tín dụng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các

tổ chức tín dụng thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy, với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 418.560.158đ (Bốn trăm mười tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn một trăm năm mươi tám) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả nợ lãi: Theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/12/2016 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 11.5%/năm. Lãi suất cho vay ưu đãi trong thời gian kể từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017, khách hàng được áp dụng lãi suất ưu đãi 8.3%/năm. Sau thời gian trên lãi suất cho vay ưu đãi được tính theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp với quy định của Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước và Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Do bị đơn không thực hiện đúng cam kết trả vốn vay và tiền lãi nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ gốc vay còn lại 418.560.158 đồng sang thành nợ quá hạn kể từ ngày 08/11/2017 là có căn cứ và nợ lãi quá hạn sẽ được tính như sau:

Thời điểm quá hạn được tính từ ngày 08/11/2017 đến ngày 30/7/2019: 418.560.158 đồng x 17.25%/năm x 630 ngày = 126.352.848 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai xác nhận của đại diện nguyên đơn thì số tiền lãi trong hạn bị đơn đã thanh toán đến hết ngày 07/11/2017 là 43.000.158 đồng, trong khi số tiền lãi trong hạn thực tế bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 09/12/2016 đến 07/11/2017 là 33.835.937 đồng. Như vậy, sau khi đối trừ khoản tiền lãi chênh lệch mà bị đơn đã trả, bị đơn còn phải trả khoản nợ lãi quá hạn: 126.352.848 đồng - 9.164.221 đồng = 117.188.627đ (Một trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi quá hạn bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn: 418.560.158 đồng + 117.188.627 đồng = 535.748.785đ (Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng. Xét thấy số tiền nợ này, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, việc nguyên đơn yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp số: 36470.16.101.3011648.BĐ ngày 08/12/2016 được các bên giao kết có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005, xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 5, Điều 6 Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi nghĩa vụ được bảo đảm theo

hợp đồng thế chấp không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ khi đến hạn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp chiếc xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn: Đen, biển số: 51G-214.57, số máy: F16D3162700038, số khung: RLLJF696EGH939724 đứng tên Bà A trong trường hợp bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 351 và Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số 08/2016/AL được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL để xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho phù hợp.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 25.429.951đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi mốt) đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 11.187.754đ (Mười một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0037824 ngày 17 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122; 124; 290; 389; 401 và 405 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

1.1. Chấm dứt Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/12/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Bà A.

1.2. Buộc Bà A có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền nợ gốc: 418.560.158đ (Bốn trăm mười tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn một trăm năm mươi tám) đồng và khoản tiền lãi quá hạn: 117.188.627đ (Một trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng; tổng cộng là 535.748.785đ (Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số: 36469.16.101.3011648.TD ngày 08/12/2016 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/12/2016, tính đến ngày 30/7/2019. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (Bà A) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ sở hữu tài sản bảo đảm cho chủ tài sản bảo đảm (Bà A), gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 233751 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2016 đứng tên Bà A ngay khi bà A đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.5. Trường hợp Bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZE, màu sơn: Đen, biển số: 51G-214.57, số máy: F16D3162700038, số khung: RLLJF696EGH939724 đứng tên Bà A để thu

hồi nợ. Sau khi xử lý phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì Bà A tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Bà A đối với Ngân hàng thì bà A được nhận lại phần giá trị còn lại của tài sản đã phát mãi.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.429.951đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi mốt) đồng. Bà A chưa nộp án phí.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 11.187.754đ (Mười một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0037824 ngày 17 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

Mục 1.4 và tiến hành thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính